

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **229/2019/HS-PT**

Ngày: 02-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn

Ông Nguyễn Thành Lượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2019/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1981, nơi sinh: Bình Thuận; Nơi cư trú: đường B, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1951; có vợ tên Nguyễn Huỳnh Yên L, sinh năm 1981, có 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Ngoài ra còn có đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T có giấy phép lái xe hợp lệ, được bà Nguyễn Thị H2 thuê lái xe ô tô tải thùng biển số 86H-33xx (do bà H2 làm chủ sở hữu).

Khoảng 01 giờ ngày 25/8/2018, T điều khiển xe ô tô tải biển số 86H -33xx chở anh Lê Đăng T1, sinh năm 1985, ngụ tại thôn 6, xã Đ2, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận (anh T1 ngồi ở ghế phụ xe bên phải trong cabin) lưu thông trên đường V theo hướng từ vòng xoay V đi huyện T1. Khi đến đoạn Km 1864 + 00, thuộc ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, mặt đường trải nhựa bằng phẳng, lưu thông 02 chiều, được phân chia bằng dải phân cách bê tông, có đèn đường chiếu sáng, chiều đường theo hướng vòng xoay V đi huyện T1 chia làm 03 làn đường xe chạy, T điều khiển xe ô tô biển số 86H – 33xx đi trên làn đường thứ hai (Tính từ lề phải theo hướng xe T lưu thông). Cùng lúc này, trên làn đường thứ hai có xe ô tô đầu kéo biển số: 63C – 045.xx, kéo theo sơ mi rơ moóc biển số: 63R – 000.xx (thuộc sở hữu của ông Lê Hồng N) đang do ông Lâm Công T2 điều khiển vì xe đang gặp sự cố kỹ thuật (Hỏng hộp số), nên phải đỗ phía trước cùng chiều. Lúc này, do T điều khiển xe ô tô biển số 86H -33xx thiếu chú ý quan sát phía trước, không làm chủ tốc độ và tay lái đảm bảo an toàn nên đã để bên phải đầu xe ô tô do T điều khiển đụng vào bên trái đuôi sơ mi rơ moóc biển số: 63R - 000.xx gây tai nạn. Hậu quả, toàn bộ phần cabin bên phải đầu xe ô tô biển số 86H – 33xx bị bể nát, chèn vào người anh Lê Đăng T1 làm anh T1 tử vong trong cabin xe.

- Tại Bản kết luận giám định số 415/2018-KLGD-PC09 ngày 05/9/2018 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

Xe ô tô tải thùng biển số: 86H – 33xx và xe ô tô đầu kéo biển số 63C – 045.xx kéo sơ mi rơ moóc biển số: 63R – 000.xx đã va chạm với nhau khi đang lưu thông cùng chiều (Xe ô tô tải thùng lưu thông phía sau).

Vị trí va chạm là toàn bộ dấu vết phần đầu xe ô tô tải thùng với dấu vết phía sau bên trái thùng sơ mi rơ moóc.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 240/TT/2018 ngày 12/9/2018 của Giám định viên Trung tâm Pháp y Đồng Nai, kết luận nguyên tử vong của anh Lê Đăng T1 do: Đa chấn thương: Chấn thương sọ não gây nứt sán sọ trước trái, chảy máu màng mềm hai bên bán cầu đại não, tiểu não; Dập não thùy

châm hai bên; Dập xuất huyết trong nhu mô đại não, tiểu não; Kết hợp chấn thương gãy 1/3 giữa xương đùi phải và 1/3 trên 02 xương cẳng chân bên trái.

- Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu giữ và đã giao trả:

+ 01 xe ô tô biển số: 86H – 33xx, 01 giấy đăng ký xe ô tô biển số: 86H – 33xx, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số: 86H – 33xx và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm do bà Nguyễn Thị H2 là chủ sở hữu.

+ 01 xe ô tô đầu kéo biển số 63C – 045.xx, kéo sơ mi rơ moóc biển số: 63R – 000.xx đã giao trả cho ông Lê Hồng N là chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị H2 (chủ xe ô tô tải biển số 86H – 33xx) đã bồi thường cho gia đình anh Lê Đăng T1 số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Ông Lâm Công T2 và ông Lê Hồng N (chủ xe ô tô đầu kéo biển số 63C – 045.xx, kéo sơ mi rơ moóc biển số: 63R – 000.xx) đã hỗ trợ cho gia đình anh Lê Đăng T1 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại. Gia đình bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 148/2019/HS-ST ngày 28/B019 của TAND thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức T: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/4/2019, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, đường lối xử lý vụ án đồng thời kết luận có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Đức T đã có hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ do không làm chủ tốc độ, không chú ý quan sát dẫn đến hậu quả làm cho anh Lê Đăng T1 tử vong. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện vụ án và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo T mức án 01 năm tù là thỏa đáng và phù hợp, không nặng như kháng cáo của bị cáo đã nêu. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp

được tình tiết nào đặc biệt để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 25/8/2018, Nguyễn Đức T có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe ô tô biển số 86H-33xx chở Lê Đăng T1 ngồi ở ghế phụ xe bên phải trong cabin. Khi đi đến đường V đoạn KM 1864 + 00, thuộc ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, do T thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ nên đã không phát hiện có chướng ngại vật phía trước, không xử lý được tình huống để đầu xe ô tô biển số: 86H – 33xx do mình điều khiển đụng vào bên trái đuôi sơ mi rơ moóc biển số: 63R – 000.xx gắn với xe ô tô đầu kéo biển số 63C – 045.xx do ông Lâm Công T2 điều khiển đang đỗ dừng phía trước cùng chiều (do xe hỏng hộp số). Hậu quả, anh Lê Đăng T1 (ngồi ghế phụ lái) bị cabin chèn vào người và tử vong trong cabin xe.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn Đức T bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông trong hoạt động giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Nguyên nhân gây tai nạn là do bị cáo điều khiển xe ô tô thiếu quan sát, không làm chủ tốc độ để xảy ra tai nạn. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp, đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nhất là bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường cho thấy: Tai nạn xảy ra vào ban đêm, tầm nhìn hạn chế, anh Lâm Công T2 điều khiển xe ô tô biển số 63C – 045.xx dừng đỗ giữa đường để sửa xe có làm cảnh báo (bằng bao tải) đúng quy định, nhưng không bảo đảm an toàn nên bị cáo T đã không kịp phát hiện để xử lý gây ra tai nạn nêu trên là có phần lỗi của anh T2 (nhưng lỗi chính gây tai nạn vẫn là do bị cáo)

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức T cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và có đơn đề nghị xem xét của chị Trương Thị Kiều T3 là vợ của người bị hại. Xét thấy, bị cáo T là lao động chính trong gia đình, phải nuôi cha già yếu, vợ và con nhỏ, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục là cũng đủ nghiêm, phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về điều kiện hưởng án treo, thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[2] Áp dụng Điểm a, Khoản 1 Điều 260; các Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức T 01 (một) năm tù** nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận quản lý, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian

thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí:

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa (2);
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương